|  |  |
| --- | --- |
| **Trường: THCS YÊN BẰNG**  **Tổ: KHTN** | **Họ tên giáo viên: Nguyễn Thị Liễu**  **Ngày soạn: 18/09/2022** |

**Tiết: 33,34 Kiểm tra giữa kì I lớp 6**

**Môn: KHOA HỌC TỰ NHIÊN**

**Bộ sách:Cánh diều Thời gian: 90 phút**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về năng lực**

**a. Nhận thức khoa học tự nhiên**

- Trình bày được cách sử dụng một số dụng cụ đo thông thường khi học tập môn Khoa học tự nhiên, vai trò của KHTN trong cuộc sống.

- Phân biệt được các lĩnh vực Khoa học tự nhiên dựa vào đối tượng nghiên cứu.

- Nêu được cách đo, đơn vị đo, dụng cụ đo chiều dài, khối lượng, thời gian.

- Phát biểu được: Nhiệt độ là số đo độ “nóng”, “lạnh” của vật.

- Biết được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo.

- Nêu được khái niệm về sự sự bay hơi.

- Nêu được thành phần của không khí

- Nêu được một số tính chất của oxygen

- Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số vật liệu thông dụng trong cuộc sống và sản xuất như gỗ, xăng dầu,..

- Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số lương thực – thực phẩm trong cuộc sống.

**b. Tìm hiểu tự nhiên**

- Tiến hành thí nghiệm chuyển trạng thái lỏng sang khí.

- Dựa vào các đặc điểm đặc trưng, phân biệt được vật sống và vật không sống.

- Đưa ra được một số ví dụ về một số đặc điểm cơ bản ba thể của

chất.

- Phân tích, so sánh để rút ra một số kết luận về tính chất của nhiên liệu, nguyên liệu, vật liệu , lương thực, thực phẩm.

- Ước lượng được khối lượng, chiều dài, thời gian, nhiệt độ trong một số trường hợp đơn giản.

**c. Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học**

- Biết sử dụng kính lúp quan sát một vật trong tự nhiên.

- Thực hiện đúng thao tác đo nhiệt độ cơ thể bằng nhiệt kế y tế.

- Đề xuất được một số biện pháp bảo vệ môi trường không khí.

**2. Về phẩm chất**

*- Chăm chỉ:* Ham học, chịu khó, cố gắng học tập chuẩn bị tốt cho bài kiểm tra đạt kết quả tốt.

- *Trung thực:* Tự giác làm bài và thật thà trong giờ kiểm tra.

**II. YÊU CẦU**

1.Giáo viên: Chuẩn bị đề kiểm tra.

2. Học sinh:Ôn tập theo hướng dẫn của giáo viên ở tiết học trước.

**III. TIẾN TRÌNH**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiết** | **Hoạt động** | **Tên bài kiểm tra** | **Phương pháp đánh giá** | **Công cụ đánh giá** |
| 1 | 45 phút | Kiểm tra giữa kì I | Kiểm tra viết | Bài kiểm tra (TN+ TL) |
| 2 | 15 phút/45 phút | Kiểm tra giữa kì I | Kiểm tra viết | Bài kiểm tra (TN+ TL) |
| 30 phút | Chữa bài kiểm tra |  |  |

**1. Khung ma trận**

- Thời điểm kiểm tra:.Giữa học kì I khi kết thúc nội dung **bài 9: Một số lương thực, thực phẩm thông dụng.**

**- Thời gian làm bài:** 60 phút.

**- Hình thức kiểm tra:** Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận (tỉ lệ 40% trắc nghiệm, 60% tự luận).

# - Cấu trúc:

**- Mức độ đề:** 40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 20% Vận dụng; 10% Vận dụng cao.

**- Phần trắc nghiệm:** 4,0 điểm, (gồm 16 câu hỏi: nhận biết: 12 câu, thông hiểu: 4 câu), mỗi câu 0,25 điểm;

**- Phần tự luận:** 6,0 điểm (Nhận biết: 1,0 điểm; Thông hiểu: 2,0 điểm; Vận dụng: 2,0 điểm; Vận dụng cao: 1,0 điểm).

- Nội dung : - Nội dung nửa đầu học kì 1: *100% (10 điểm: gồm 5 chủ đề)*

| **Chủ đề** | **MỨC ĐỘ** | | | | | | | | **Tổng số câu TN/**  **Tổng số ý TL** | | **Điểm số** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* |
| **1. Chủ đề : Giới thiệu về KHTN, dụng cụ đo và an toàn TH**  **(7 tiết)** |  | 4 |  | 1 |  |  |  |  |  | **5** | 1,25 |
| **2.** **Chủ đề : Các phép đo**  **(10 tiết)** |  | 2 | 1 | 2 |  |  |  |  | **1** | **4** | 3 |
| **3.Chủ đề : Các thể của chất**  **(5 tiết)** |  | 2 |  | 1 |  | 1 |  |  |  | **4** | 1 |
| **4.Chủ đề : Oxygen và không khí**  **(3 tiết)** |  | 1 |  | 1 | 1 |  |  |  | **1** | **2** | 2,5 |
| **5. Chủ đề : Một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực – thực phẩm.**  **(7 tiết)** |  | 1 |  |  | 1 |  |  |  | **1** | **1** | 2,25 |
| **Số câu TN/ Số ý TL (Số YCCĐ)** | **1** | **10** | **1** | **5** | **2** | **1** | **1** |  | **3** | **16** |  |
| **Điểm số** | **1** | **2,5** | **2** | **1,25** | **2** | **0,25** | **1** |  | **6,0** | **4,0** | **10,0** |
| **Tổng số điểm** | **3,5 điểm** | | **3,25 điểm** | | **2,25 điểm** | | **1,0 điểm** | | **10 điểm** | | **10 điểm** |

## BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I

| **Nội dung** | **Mức độ** | **Yêu cầu cần đạt** | **Số câu hỏi** | | **Câu hỏi** | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TL  (Số ý) | TN  (Số câu) | TL | TN |
| **1.Chủ đề 1: Giới thiệu về KHTN, dụng cụ đo và an toàn TH** | | |  | **5** |  |  |
| **- Giới thiệu chung về khoa học tự nhiên**  **- Một số dụng cụ đo và quy định an toàn trong phòng thực hành** | **Nhận biết** | – Nêu được khái niệm Khoa học tự nhiên.  – Nêu được các quy định an toàn khi học trong phòng thực hành.  – Trình bày được cách sử dụng một số dụng cụ đo thông thường khi học tập môn Khoa học tự nhiên, các dụng cụ: đo chiều dài, đo thể tích, kính lúp, kính hiểm vi,...). |  | 4 |  | C2,3, 4,5 |
| **Thông hiểu** | – Phân biệt được các lĩnh vực Khoa học tự nhiên dựa vào đối tượng nghiên cứu.  – Trình bày được vai trò của Khoa học tự nhiên trong cuộc sống.  – Dựa vào các đặc điểm đặc trưng, phân biệt được vật sống và vật không sống. |  | 1 |  | C1 |
| **Vận dụng** | – Biết cách sử dụng kính lúp và kính hiển vi quang học.  – Phân biệt được các kí hiệu cảnh báo trong phòng thực hành. |  |  |  |  |
| **Vận dụng cao** | – Đọc và phân biệt được các hình ảnh quy định an toàn phòng thực hành. |  |  |  |  |
| **2.Chủ đề 2: Các phép đo** | | | **1** | **4** |  |  |
| - Đo chiều dài, khối lượng, thời gian  - Đo nhiệt độ | **Nhận biết** | - Nêu được cách đo chiều dài, khối lượng, thời gian.  - Nêu được đơn vị đo chiều dài, khối lượng, thời gian.  - Nêu được dụng cụ thường dùng để đo chiều dài, khối lượng, thời gian.  – Phát biểu được: Nhiệt độ là số đo độ “nóng”, “lạnh” của vật. |  | 2 |  | C6,  7, |
| **Thông hiểu** | - Lấy được ví dụ chứng tỏ giác quan của chúng ta có thể cảm nhận sai một số hiện tượng (chiều dài, khối lượng, thời gian, nhiệt độ)  – Nêu được cách xác định nhiệt độ trong thang nhiệt độ Celsius.  – Nêu được sự nở vì nhiệt của chất lỏng được dùng làm cơ sở để đo nhiệt độ.  – Hiểu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo.  - Ước lượng được khối lượng, chiều dài, thời gian, nhiệt độ trong một số trường hợp đơn giản. | 1 | 2 | C1 | C8  ,9 |
| **Vận dụng** | - Dùng thước (cân, đồng hồ) để chỉ ra một số thao tác sai khi đo và nêu được cách khắc phục một số thao tác sai đó.  – Thực hiện đúng thao tác để đo được chiều dài (khối lượng, thời gian, nhiêt độ) bằng thước (cân đồng hồ, đồng hồ, nhiệt kế) *(không yêu cầu tìm sai số).* |  |  |  |  |
| **Vận dụng cao** | Lấy được ví dụ chứng tỏ giác quan của chúng ta có thể cảm nhận sai về chiều dài (khối lượng, thời gian, nhiệt độ) khi quan sát một số hiện tượng trong thực tế ngoài ví dụ trong sách giáo khoa. |  |  |  |  |
| **3.Chủ đề 3: Các thể của chất** | | |  | **4** |  |  |
| - Sự đa dạng của chất  - Tính chất và sự chuyển thể của chất | **Nhận biết** | Nêu được sự đa dạng của chất (chất có ở xung quanh chúng ta, trong các vật thể tự nhiên, vật thể nhân tạo, vật vô sinh, vật hữu sinh)  – Nêu được chất có ở xung quanh chúng ta.  **-** Nêu được chất có trong các vật vô sinh và hữu sinh  Nêu được khái niệm về sự nóng chảy; sự sôi; sự bay hơi; sự ngưng tụ, đông đặc. |  | 2 |  | C10,  11 |
| **Thông hiểu** | – Nêu được tính chất vật lí, tính chất hoá học của chất.  – Đưa ra được một số ví dụ về một số đặc điểm cơ bản ba thể của chất.  - So sánh được khoảng cách giữa các phân tử ở ba trạng thái rắn, lỏng và khí.  – Trình bày được quá trình diễn ra sự nóng chảy, đông đặc, bay hơi, sôi, ngưng tụ. |  | 1 |  | C15 |
| **Vận dụng** | – Tiến hành được thí nghiệm về sự chuyển trạng thái từ thể rắn sang thể lỏng của chất và ngược lại.  - Dự đoán được tốc độ bay hơi phụ thuộc vào 3 yếu tố: nhiệt độ, mặt thoáng chất lỏng và gió. |  | 1 |  | C16 |
| **Vận dụng cao** |  |  |  |  |  |
| **4. Chủ đề : Oxygen và không khí** | | | **1** | **2** |  |  |
| Oxygen và không khí. | **Nhận biết** | Nêu được một số tính chất của oxygen (trạng thái, màu sắc, tính tan, ...). |  | 1 |  | C13 |
| **Thông hiểu** | – Nêu được tầm quan trọng của oxygen đối với sự sống, sự cháy và quá trình đốt nhiên liệu.  – Nêu được thành phần của không khí (oxygen, nitơ, carbon dioxide (cacbon đioxit), khí hiếm, hơi nước).  – Trình bày được vai trò của không khí đối với tự nhiên. |  | 1 |  | C14 |
| **Vận dụng** | – Trình bày được sự ô nhiễm không khí: các chất gây ô nhiễm, nguồn gây ô nhiễm không khí, biểu hiện của không khí bị ô nhiễm.  - Đưa ra được biện pháp nhằm giảm thiểu ô nhiễm không khí. | **1** |  | C2 |  |
| **Vận dụng cao** |  | **1** |  |  |  |
| **5. Chủ đề : Một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực – thực phẩm.** | | | **1** | **1** |  |  |
| Một số vật liệu, nhiên liệu và nguyên liệu thông dụng | **Nhận biết** | – Biết được tính chất và ứng dụng của một số vật liệu thông dụng trong cuộc sống và sản xuất như kim loại, nhựa, gỗ, cao su, gốm, thuỷ tinh,...  – Biết được tính chất và ứng dụng của một số nhiên liệu thông dụng trong cuộc sống và sản xuất như: than, gas, xăng dầu, ... |  | 1 |  | C12 |
| **Thông hiểu** | – Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số nguyên liệu thông dụng trong cuộc sống và sản xuất như: quặng, đá vôi, ...  – Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số lương thực – thực phẩm trong cuộc sống. |  |  |  |  |
| **Vận dụng** | – Trình bày được sơ lược về an ninh năng lượng.  – Đề xuất được phương án tìm hiểu về một số tính chất (tính cứng, khả năng bị ăn mòn, bị gỉ, chịu nhiệt, ...) của một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực – thực phẩm thông dụng.  – Thu thập dữ liệu, phân tích, thảo luận, so sánh để rút ra được kết luận về tính chất của một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực – thực phẩm. | **1** |  | C3 |  |
| **Vận dụng cao** | Đưa ra được cách sử dụng một số nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu an toàn, hiệu quả và bảo đảm sự phát triển bền vững. |  |  |  |  |

**C. ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I – MÔN SINH HỌC 6**

1. **PHẦN TRẮC NGHIỆM: (4 ĐIỂM)**

**Câu 1. Khoa học tự nhiên nghiên cứu về lĩnh vực nào dưới đây?**

A.Các sự vật, hiện tượng tự nhiên.

B.Các quy luật tự nhiên.

C.Những ảnh hưởng của tự nhiên đến con người và môi trường sống.

D.Tất cả các ý trên.

**Câu 2. Cấu tạo của kính lúp gồm mấy bộ phận?**

A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

**Câu 3. Việc làm nào sau đây không phải là việc bảo quản kính hiển vi?**

A.Lau khô sau khi sử dụng

B.Để nơi khô ráo, tránh mốc ở bộ phận quang học

C.Rửa sạch bộ phận quang học bằng nước khoáng.

D.Kính phải được bảo dưỡng định kì.

**Câu 4. Để đảm bảo an toàn trong phòng thực hành cần thực hiện nguyên tắc nào dưới đây?**

1. Đọc kĩ nội quy và thực hiện theo nội quy phòng thực hành.
2. Chỉ làm thí nghiệm, thực hành khi có sự hướng dẫn và giám sát của giáo viên.
3. Thực hiện đúng nguyên tắc khi sử dụng hoá chất, dụng cụ, thiết bị trong phòng thực hành.
4. Tất cả các ý trên.

**Câu 5. Biển báo ở hình bên cho chúng ta biết điều gì?**



1. Chất dễ cháy.
2. Chất gây nổ.
3. Chất ăn mòn.
4. Phải đeo găng tay thường xuyên.

**Câu 6. Đơn vị đo khối lượng trong hệ thống đo lường chính thức của nước ta là**

A. Tấn. B. Miligam. C. Kilôgam. D. Gam.

**Câu 7. Đơn vị đo thời gian trong hệ thống đo lường chính thức của nước ta là**

A. Tuần. B. Ngày. C. Giây. D. Giờ.

**Câu 8. Giới hạn đo của một thước là**

A.chiều dài lớn nhất ghi trên thước.

B. chiều dài nhỏ nhất ghi trên thước.

C. chiều dài giữa hai vạch liên tiếp trên thước.

D. chiều dài giữa hai vạch chia nhỏ nhất trên thước.

**Câu 9. Độ chia nhỏ nhất của thước là**

A.giá trị cuối cùng ghi trên thước.

B.giá trị nhỏ nhất ghi trên thước.

C.chiều dài giữa hai vạch chia liên tiếp trên thước.

D.Cả 3 đáp án trên đều sai.

**Câu 10.Quá trình chuyển từ thể rắn sang thể lỏng của chất là:**

A.Sự nóng chảy

B.Sự đông đặc

C.Sự bay hơi

D.Sự ngưng tụ

**Câu 11. Đâu là vật thể nhân tạo?**

1. Con gà
2. Bút chì
3. Bắp ngô
4. Vi khuẩn

**Câu 12. Vật thể nào sau đây được xem là nguyên liệu?**

1. Gạch xây dựng
2. Đất sét
3. Xi măng
4. Ngói

**Câu 13. Trong không khí, oxygen chiếm bao nhiêu phân thể tích:**

1. 1/5 **B.** 1/4 **C.** 1/10 **D.** 1/20

**Câu 14. Để phân biệt 2 chất khí là oxygen và carbon đioxide, em nên lựa chọn cách nào dưới đây?**

**A.** Quan sát màu sắc của 2 khí đó.

**B.** Ngửi mùi của 2 khí đó.

**C.** Oxygen duy trì sự sống và sự cháy.

**D.** Dẫn từng khí vào cây nến đang cháy, khí nào làm nến cháy tiếp thì đó là Oxygen, khí làm tắt nến là carbon đioxide.

**Câu 15: Chỉ ra đâu là tính chất vật lí của chất**

A. Nến cháy thành khí cacbon đi oxit và hơi nước  
C. Bánh mì để lâu bị ôi thiu  
B. Bơ chảy lỏng khi để ngoài trời  
D. Cơm nếp lên men thành rượu

**Câu 16: Hiện tượng tự nhiên nào sau đây là do hơi nước ngưng tụ?**

A. Tạo thành mây  
C. Mưa rơi  
B. Gió thổi  
D. Lốc xoáy

**B. PHẦN TỰ LUẬN: ( 6 ĐIỂM)**

**Câu 1.** (2 điểm)

a) Cho hai dụng cụ đo: Thước có giới hạn đo 30cm, độ chia nhỏ nhất 1mm và thước có giới hạn đo 100cm, độ chia nhỏ nhất 1mm. Em hãy chọn một thước đo thích hợp để đo chiều rộng bàn học của em và giải thích vì sao chọn thước đó.

b) Để thực hiện đo thời gian đi từ cổng trường vào lớp học, em dùng loại đồng hồ nào? Giải thích sự lựa chọn của em.

**Câu 2.** (2 điểm): Trình bàymột số biện pháp bảo vệ môi trường không khí?

**Câu 3**. (2 điểm): Gas là một chất rất dễ cháy, khi gas trộn lẫn với oxygen trong không khí nó sẽ trở thành một hỗn hợp dễ nổ. Hỗn hợp này sẽ bốc cháy và nổ rất mạnh khi có tia lửa điện hoặc đánh lửa từ bật gas, bếp gas.

a) Chúng ta nên làm gì sau khi sử dụng bếp gas để đảm bảo an toàn?

b) Tại sao nên để bình gas ở nơi thoáng khí?

c) Trong trường hợp đang nấu ăn mà vòi dẫn gas bị hở và gas phun ra, cháy mạnh thì ta nên làm thế nào?

d) Khi đi học về, mở cửa nhà ra mà ngửi thấy mùi gas thì em nên làm gì?

**-------------HẾT ----------**

**HƯỚNG DẪN CHẤM VÀ BIỂU ĐIỂM**

**I. TRẮC NGHIỆM (7 điểm)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1.D | 1.C | 3.C | | 4.D | | 5.D | | 6.C | | 7.C | | 8.A | | 9.C | | 10.A | |
| 11.B | 12.B | | 13.A | | 14.D | | 15.B | |  | | 16.A | |  | |  | |  | |

**II. TỰ LUẬN (3 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Hướng dẫn chấm** | **Điểm** |
| **Câu 1**  **(2 điểm)** | Câu 1. (1 điểm)  a) Trước khi đo em ước lượng bàn học của em dài khoảng 50cm nên em chọn thước đo có giới hạn đo 100cm, độ chia nhỏ nhất 1mm. Vì chọn thước đo này chỉ cần đo một lần là được kết quả, tránh đo nhiều lần mất thời gian và có thể dẫn đến sai số trong phép cộng các kết quả.  b) Khoảng thời gian đi bộ từ cổng trường vào lớp học khá ngắn, nên để đo chính xác thời gian đi từ cổng trường vào lớp học, em dùng loại đồng hồ bấm giây. | 1 điểm  1 điểm |
| **Câu 2**  **( 2 điểm)** | Câu 2. Biện pháp bảo vệ không khí:  - Quản lý rác thải sinh hoạt, rác thải công nghiệp, vứt rác đúng nơi quy định.  - Tuyên truyền nâng cao ý thức con người.  - Tiết kiệm điện và năng lượng, tắt điện khi không sử dụng.  - Sử dụng năng lượng thân thiện với môi trường, trồng nhiều cây xanh. | 0,5 điểm  0,5 điểm  0,5 điểm  0,5 điểm |
| **Câu 3**  **(2 điểm)** | Câu 3.  a) Sau khi sử dụng bếp gas thì nên khóa van an toàn để tránh trường hợp gas bị rò ra ngoài có thể gây cháy nổ.  b) Để bình gas nơi thoáng khí để khi lỡ có rò gas thì khí cũng bay ra xa, làm loãng lượng gas trong không gian nhà bếp và tránh được nguy cơ cháy nổ.  c) Khi vòi dẫn gas bị hở và cháy, cần bình tĩnh tránh xa ngọn lửa, sau đó vặn khóa van an toàn bình gas lại. Trong trường hợp ngọn lửa lớn không tiếp xúc được với khóa gas thì dùng chăn ướt tấp kín để dập tắt ngọn lửa rồi khóa van an toàn bình gas.  d) Đi học về mà ngửi thấy mùi gas thì nên hành động như sau:  - Mở hết cửa để khí gas bay ra ngoài.  - Khóa van an toàn ở bình gas.  - Tuyệt đối không bật công tắc điện, không đánh lửa.  - Báo cho người lớn để kiểm tra và sửa chữa trước khi sử dụng lại. | 0,5 điểm  0,5 điểm  0,5 điểm  0,5 điểm |